TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 81/2024/DS-ST Ngày: 21-8-2024 V/v: "TrA chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn ThA Bình và ông Hồ Văn Sơn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, về việc: "TrA chấp hợp vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đang T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 5, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn:

+ Ông Trần Phước M, sinh năm 1951;

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1954;

+ Bà Trần Thị Lan A, sinh năm 1980;

Cùng nơi cư trú: Số 302, đường 3/2, khu phố 9, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoài Đông, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 5, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoài Đông là bà Lê Thị Đang T. (Theo giấy ủy quyền lập ngày 20/5/2024 tại Văn phòng công chứng Đức Linh)

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ hàng xóm với nhau, nên bị đơn Trần Phước M, Lê Thị L, Trần Thị Lan A đã liên hệ với vợ chồng bà T để mượn số tiền 250.000.000 đồng mục đích đáo hạn nợ Ngân hàng và bị đơn có hứa với bà T là sau khi xóa thế chấp, nhận lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 460704, do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 26/06/2003 thì bị đơn đưa giấy chứng nhận nêu trên để bà T giữ làm tín chấp; vợ chồng bà T đã đồng ý cho bị đơn Trần Phước M, Lê Thị L, Trần Thị Lan A mượn số tiền 250.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng và sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng thì bị đơn có đưa cho bà T quản lý 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 460704, do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 26/06/2003, bị đơn có viết cho bà T 01 giấy mượn tiền đề ngày 21/6/2023 và hẹn đến ngày 21/7/2023 sẽ trả đủ tiền nợ vay; Vào ngày 3/7/2023 và ngày 21/7/2023, bà L đã liên hệ bà T để vay thêm số tiền 8.000.000đồng, khi vay tiền thì bà L nói mục đích vay là để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lan A, để bà Lan A làm thủ tục vay vốn ngân hàng thA toán nợ cho bà T. Sau đó bị đơn có liên hệ với bà T mượn lại sổ đỏ để thế chấp vay ngân hàng trả nợ cho bà T, vì là chỗ hàng xóm nên bà T đã giao lại sổ đỏ cho bị đơn, tuy nhiên gia đình bị đơn đã không thế chấp ngân hàng trả nợ cho bà T mà đã làm thủ tục tặng cho lại cho bà Trần Thị Lan A và hiện tại bà Trần Thị Lan A lại rao bán thửa đất nói trên.

Trong đơn khởi kiện, bà Lê Thị Đang T yêu cầu ông Trần Phước M, bà Lê Thị L và bà Trần Thị Lan A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T và ông Đông số tiền nợ vay gốc là 258.000.000đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc 250.000.000đồng tạm tính từ ngày vay đến ngày 25/4/2024 là 42.053.000đồng.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ (thông qua thủ tục niêm yết) thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến phản đối, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà:

Bà Lê Thị Đang T thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ban đầu như sau: Bà T yêu cầu ông Trần Phước M, bà Lê Thị L và bà Trần Thị Lan A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T và ông Đông số tiền nợ vay gốc là 250.000.000đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc 250.000.000đồng tạm tính từ ngày 21/7/2023 đến ngày 21/8/2024, với mức lãi suất 10%/năm và tiếp tục chịu lãi cho đến khi trả xong tiền nợ vay gốc; yêu cầu ông Trần Phước M, bà Lê Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T và ông Đông số tiền nợ vay gốc là 8.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba nhưng vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Trần Phước M, bà Lê Thị L và bà Trần Thị Lan A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T và ông Đông số tiền nợ vay gốc là 250.000.000đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc 250.000.000đồng tạm tính từ ngày 21/7/2023 đến ngày 21/8/2024, với mức lãi suất 10%/năm; yêu cầu ông Trần Phước M, bà Lê Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T và ông Đông số tiền nợ vay gốc là 8.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Buộc ông M, bà L và bà Lan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ trA chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thA toán tiền nợ vay và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 9, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ trA chấp trong vụ án này là "TrA chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp 01 giấy mượn tiền lập ngày 21/6/2023 (bản gốc) và không nộp tài liệu, chứng cứ mới nào khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản gốc của giấy mượn tiền đề ngày 21/6/2023 có chữ ký và chữ viết tên của ông Trần Phước M, bà Lê Thị L và bà Trần Thị Lan A.

Theo nội dung thể hiện trong tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, có thỏa thuận thời hạn vay, có thỏa thuận lãi suất vay (thỏa thuận miệng theo lời khai của nguyên đơn) và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giao dịch vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện qua giấy mượn tiền đề ngày 21/6/2023 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện là trong thời hạn luật định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận và cam kết cho ông M, bà L, bà Lan A vay số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 21/6/2023 và cho bà L, ông M vay số tiền 8.000.000đồng vào các ngày 3/7/2023 và 15/7/2023 đúng như giấy mượn tiền ghi ngày 21/6/2023, nội dung mượn tiền vào các ngày 3/7/2023 và 15/7/2023 gắn liền với giấy mượn tiền nêu trên nên nguyên đơn yêu cầu ông M, bà L, bà Lan A có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền nợ gốc nêu trên và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Đối với bị đơn đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ vào giấy mượn tiền ghi ngày 21/6/2023, nội dung mượn tiền vào các ngày 3/7/2023 và 15/7/2023 gắn liền với giấy mượn tiền nêu trên, lời khai cam kết của nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.3] Về xác định người có nghĩa vụ thA toán: Trong giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp có nội dung thể hiện "*nếu vay không được thì đưa sổ lại cho T"*; như vậy, có thể khẳng định ông M, bà L, bà Lan A đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 460704, do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp ngày 26/06/2003, cấp cho bà Nguyễn Thị ThA Hường (đã được cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Phước M và bà Lê Thị L vào ngày 22/12/2015) để tín chấp vay tiền của bà T; đến ngày 20/7/2023, ông M và bà L lại

tặng cho bà Trần Thị Lan A và bà Lan A đã viết nội dung cam kết nêu trên cho bà T nhưng không thực hiện được.

Tại khoản 1 Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như sau:

"1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình."

Tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau:

"Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;"

Tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau:

"1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này."

Mặt khác, ông M và bà L, bà Lan A là vợ chồng, cha mẹ con hợp pháp, cùng ký xác nhận vào giấy mượn tiền. Hội đồng xét xử xác định đây là nghĩa vụ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông M và bà L, đồng thời cũng là nghĩa vụ liên đới của bà Lan A trong số tiền 250.000.000đồng.

Do đó, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bà T, cần buộc ông Trần Phước M, bà Lê Thị L và bà Trần Thị Lan A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T và ông Đông số tiền nợ vay gốc là 250.000.000đồng, buộc ông Trần Phước M, bà Lê Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T và ông Đông số tiền nợ vay gốc là 8.000.000đồng.

[4.4] Về lãi suất: Nguyên đơn thừa nhận khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất miệng nhưng không ghi vào giấy nợ, quá trình khởi kiện nguyên đơn khẳng định lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,66%/tháng. Tuy nhiên, trong giấy mượn tiền không có nội dung thể hiện thoả thuận lãi suất và bị đơn cũng chưa có ý kiến thừa nhận; do đó, không có căn cứ để chấp nhận mức lãi suất 1,66%/tháng do nguyên đơn yêu cầu trong quá trình khởi kiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 10%/năm, tính từ ngày bị đơn chậm trả nợ (21/7/2023) cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

"4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác."

Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định về lãi suất như sau:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có trA chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Như vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi được xác định như sau:

Từ ngày 21/7/2023 đến 21/8/2024 là 13 tháng x 10%/năm x 250.000.000đồng = 27.083.000đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu ông M và bà L trả lãi trên số tiền 8.000.000đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bên có nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án đến khi thi hành án xong là phù hợp quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 30, 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Đang T.

- Buộc ông Trần Phước M, bà Lê Thị L, bà Trần Thị Lan A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Đang T và ông Nguyễn Hoài Đông tổng số tiền 277.083.000 (bằng chữ: hai trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm tám mươi ba nghìn) đồng. Trong đó, số tiền nợ vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 21/8/2024 là 27.083.000đồng.

- Buộc ông Trần Phước M, bà Lê Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Đang T và ông Nguyễn Hoài Đông số tiền nợ gốc là 8.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Buộc ông Trần Phước M, bà Lê Thị L, bà Trần Thị Lan A nộp số tiền 13.854.000đồng (bằng chữ: mười ba triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Trần Phước M, bà Lê Thị L nộp số tiền 400.000đồng (bằng chữ: bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho bà Lê Thị Đang T số tiền 7.501.000 (bằng chữ: bảy triệu, năm trăm lẻ một nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên lai thu tiền số: 0004442 ngày 26 tháng 4 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận